

SAFETY JOGGER PROFESSIONAL

Heavy

# OXYVA OB

**mái vô song**

Guố c OXYVA nh iệt có thiệ ệ g ộ 80 D và mang sinh ạnh ờ chứ c năng ESD, chất l iệu ch ố n g thấm nư ớc và kháng khu Thích h ợp cho nhiều ngành công n ghiệ p , chúng mang th ể đổ i tạ iế th k ờ iệ m chi phí.

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | EVA mở rộng |
| lót bên trong | SAU ĐÓ |
| trong | Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế) |
| ngoài | Đ EVA mở rộng |
| i | Loạ OB / SR, A, E, ESD |
| | Phạm vi kích thước EU 35-46 / UK 3.0-11.0 / US 3.0-12.0<br>JPN 21.5-30 / KOR 230-300 |
| ng lượng t | thép 0.222 kg |
| | ẩn hóa iêu chu ASTM F2892:2018<br>EN ISO 20347:2022(Europe) |




EGN



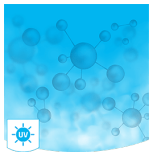
EBL BLK FUX LIC



NAV WHT



**Dung** dịch chống thấm hợp vệ **sinh**
Giày này được làm bằng vật liệu không thấm nước, kháng kỳ nhẹ [illegible] các ứng dụng trong môi làm ạch hoặc hướng dẫn bệnh nhân đi tắm.



Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**
Giày này có thể được khử trùng bằng hóa chất và tia cực tím.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn [illegible] do tích điện. [illegible] 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



iặt [illegible] thể g
Những đôi giày này có thể được [illegible] g

**Công** nghiệp **n:**
thuộc c v ề y h ọ c , phục vụ ăn uố ạnh g, làm sc upẩm &g

ường: **Môi** t
r ờn ng ôn g ảm ư ớt

**Cac** hương **dân ba#o tri:**
éo dài t ày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp cách nhiệt khi tiếp xúc với nhiệt

K

| Sự **miêu** t ả | **EN ISO 20347** | ế t ả | ơn vị u | **đo** l | Đ ờn g q |
|---|---|---|---|---|---|
| Những vật l iệu **EVA** m ở r ộ n g **cao** cấp h ơn | | | | | |
| Top: khả năng h ấm nhanh ơ | ? 0.8 | | N/A | iờ | mg/cm/g |
| Top: h ấp thụ nước ơ | ? 15 | | N/A | | mg/cm2 |
| **ót bên trong** **SAU ĐÓ** | | | | | |
| L ớp lót: h ấm nhanh ơ | ? 2 | | N/A | iờ | mg/cm/g |
| lót: h ấp thụ nước ơ | ? 20 | | N/A | | mg/cm2 |
| **rong** Đ ệ m **chân** **SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế) | | | | | |
| ệ m chân Đ ộ b ền c ơ h ọ c mài mòn (khô/ ư ớt ) (chu kỳ) | 25600/12800 | | 25600/12800 | | chu kỳ |
| **goài** Đ **EVA** m ở r ộ n g | | | | | |
| Ch ỉ số trượt (mài mòn) ế ngoài ( | ? 150 | | 130 | | mm |
| Chư ợt trc ớt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt ướt v ề phía t | ? 0.31 | | 0.31 | | ma sát |
| r ợt cơ sở bằng G ố m + NaLS - Trư ợt ướt v ề phía t | ? 0.36 | | 0.36 | | ma sát |
| r ợt SR bằng G ố m + Glycerin - Trư ợt ướt v ề phía t | ? 0.19 | | 0.19 | | ma sát |
| Chư ợt SR bằng G ố m + Glycerin - Trư ợt ướt v ề phía t | ? 0.22 | | 0.22 | | ma sát |
| ị ch ố Giá t tĩnh điệ n | 0.1 - 1000 | | 29.4 | | megaohm |
| ị ESD Giá t | 0.1 - 100 | | 6.8 | | megaohm |
| Hấp thụ năng l ượng gót chân ủ | ? 20 | | 77 | | J |

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có b ất kỳ quyền sở hữu nào đối với nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được phép sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

**hân sinh thái:**

| Sự **miêu** t ả | ế t ả | ơn vị u | **đo** l | Đ ờn g q |
|---|---|---|---|---|
| i **CO#hát** thả | | | | |
| V ật l iệu | | 0.04 | | kg |
| Bao bì | | 0.10 | | kg |
| ất Sản x u | | 1.90 | | kg |
| Chuyên ch ở | | 0.26 | | kg |
| | | **2.30 kg CO2/** cặp | | |

| Sự **miêu** t ả | ế t ả | K u | q |
|---|---|---|---|
| ệ vật l Tiệ **tái** ch ế | | | |
| Product | | 87% | |
| Bao bì | | 98% | |

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán tiêu chuẩn ngành và có thể thay đổi.